

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1906 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2024

V/v cung cấp báo giá mua sắm, lắp đặt hệ cụm
bánh xe con của cầu trục 50/10 tấn.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm, lắp đặt hệ cụm bánh xe con của cầu trục 50/10 tấn trong Nhà bơm nước làm mát chính (Intake). Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/thiết bị cho hệ thống cầu trục trong các Nhà máy, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc: Như phụ lục đính kèm;
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
- Tiến độ cung cấp: do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không muộn hơn 45 ngày.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 15h00 ngày 14/11/2024.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Nguyễn Văn Linh, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0936.308.929; Email: linhnv@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GD NM (để b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (N.V.L: 01b).

Đính kèm:

- Phụ lục 1 (phạm vi công việc);
- Bản vẽ tham khảo.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2**



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 5805/CV-NMNĐTB2/2024

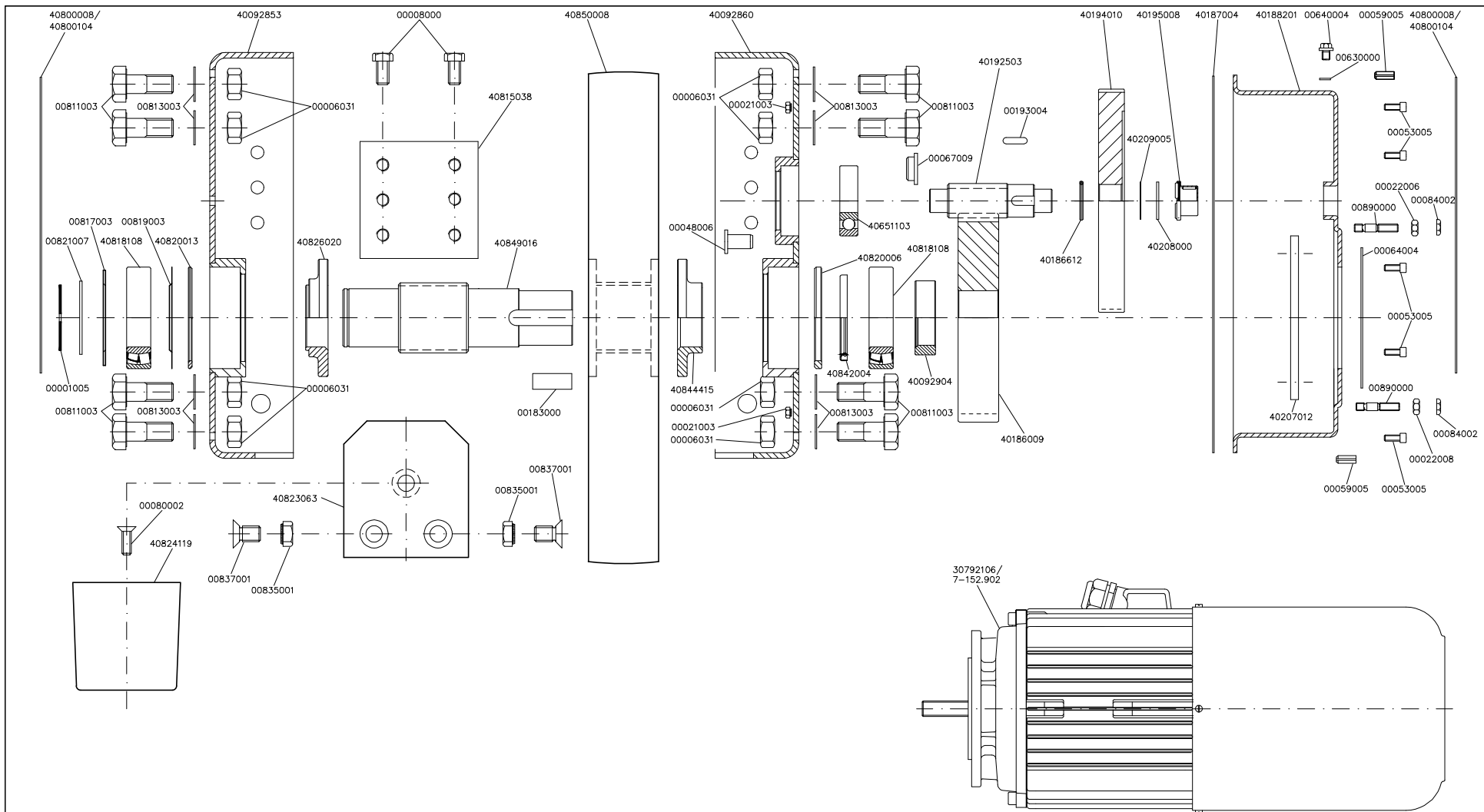


PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC
Mua sắm, lắp đặt hệ cụm bánh xe con cho cầu trục 50/10 tấn – NMNĐ Thái Bình 2

Stt	Tên vật tư/thiết bị	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Nhãn hiệu/xuất xứ	Ghi chú
1	Hệ cụm bánh xe con 50/10 tấn	Hệ cụm bánh xe con 50/10 tấn: - Cung cấp 4 cụm bánh xe: + Gồm 2 cụm bánh chủ động, 2 cụm bánh bị động. + Động cơ liên hộp số: 2 động cơ. + Kiểu phanh điện từ. + Kiểu chân đế, hoặc mặt bích. + Tốc độ di chuyển hệ xe con 5-20 m/phút - Vận chuyển lắp đặt và chạy thử. - Thử tải, kiểm định (có dán tem). - Hướng dẫn vận hành. - Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.	Hệ	1	KUHNEZUG/ Đức	Thông số kỹ thuật xem tài liệu đính kèm
2	Biến tần điều khiển cho cụm xe con 50/10 tấn	Bao gồm lắp đặt, cài đặt và chạy thử	Cái	1	ABB/G7	
3	Tải kiểm định	Chuẩn bị và vận chuyển tải đến Nhà bơm nước làm mát chính (Intake)	hệ thống	1	Việt Nam	
4	Sắp xếp tải vào vị trí thử nghiệm	Sắp xếp, cầu tải, nhân công lắp tải vào vị trí thử tải và vận chuyển tải ra khỏi vị trí thử nghiệm.	hệ thống	1	Việt Nam	

lepo





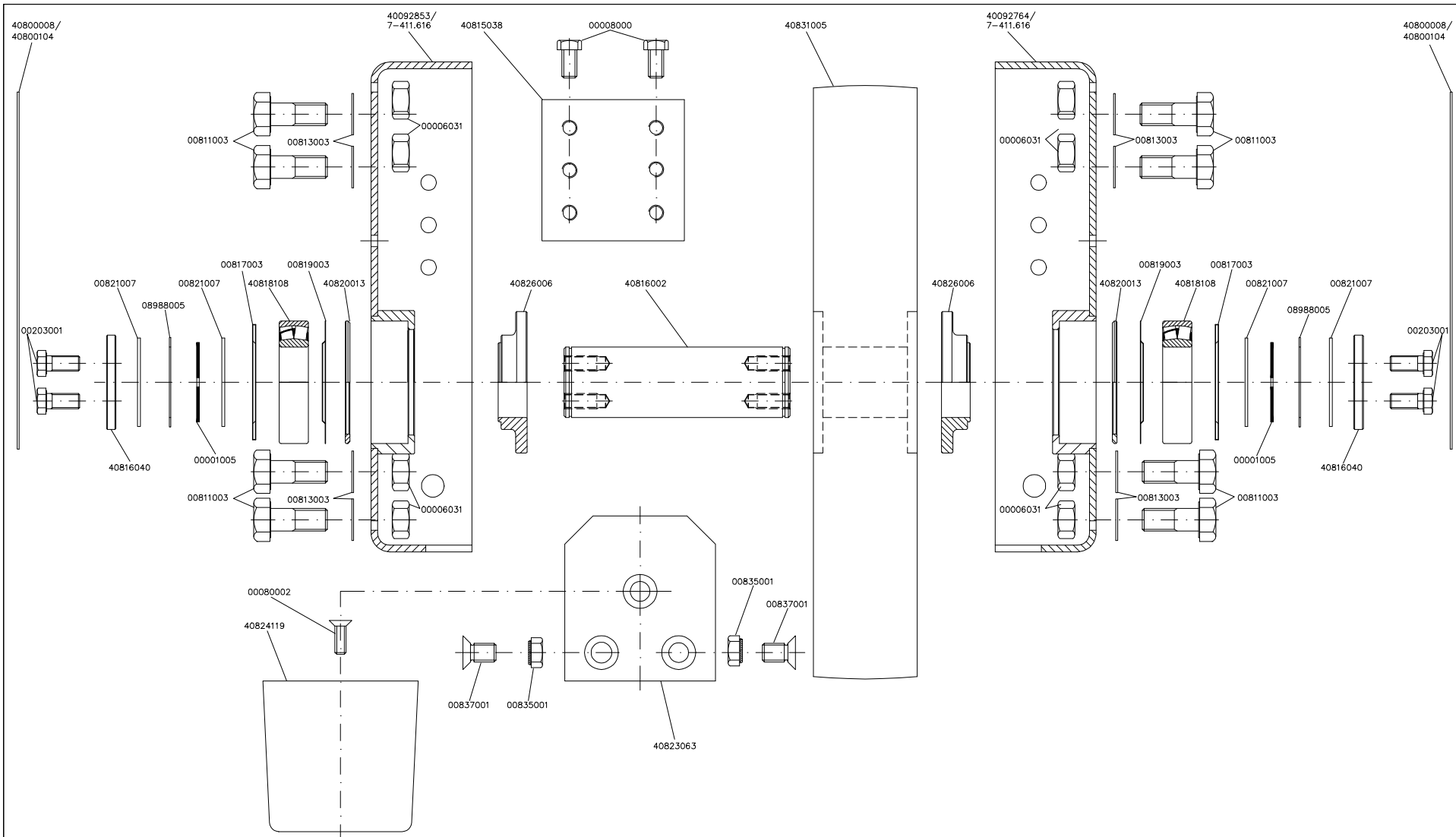
Id. no. Pieces Specification

00001005	1	Circlip	00811003	16	Screw	40207012	1	Stiffener ring
00006031	16	Nut	00813003	16	Washer	40208000	1	Washer
00008000	12	Screw	00817003	1	Gasket washer AV	40209005	1	Washer
00021003	12	Rivet nut	00821007	1	Gasket washer IV	40651103	1	Bearing
00022008	4	Nut	00835001	2	Supporting ring	40800008	2	Distance plate 1mm
00048006	2	Steady bush	00837001	2	Rivet nut	40800104	2	Distance plate 2mm
00053005	12	Screw	00837001	2	Screw	40815038	2	Connecting plate
00059005	4	Self locking pin	00890000	4	Bolt	40818108	2	Bearing
00064004	1	Motor gasket	00890000	4	Bolt	40820006	1	Distance sleeve
00067009	2	Plug	40092853	1	Housing	40820013	1	Distance ring
00080002	1	Screw	40092860	1	Housing	40823063	1	Buffer holder
00084002	4	Safety nut	40092904	1	Distance sleeve	40824102	1	Buffer
00183000	1	Key	40186009	1	Gearwheel II Z=76	40826020	1	Distance sleeve
00193004	2	Key	40186612	1	Distance washer	40842004	1	Shaft gasket
00630000	1	Gasket	40187004	1	Housing gasket	40844415	1	Distance sleeve
00640004	1	Bleed screw	40188009	1	Housing	40849016	1	Shaft
00795108/7-157.900	1	Motor, complete	40192503	1	Pinionshaft II Z=10	40850008	1	Running wheel
			40194010	1	Gearwheel Z=180			
			40195008	1	Bearing			

KUHNEZUG
german cranes

RC 2500 driven

Werkstoff/Material	Maßstab/Scale	Geänd.	Datum/Date	Name	Kunde/Customer	Zeichnungs - (Ident) Nr./ Drawing - (Ident) no.:
Bearb.	10.05.2017	We.				
Id. Nr.: 45950525	2-161.004	Geänd.			Komm.-Nr./Comm.-no.	z1705015
Ersatz für:	Index: 01011	Geänd.				
tel: +49 (0) 40 608 20 2-0 fax: +49 (0) 40 608 20 277 e-mail: info @ KUHNEZUG.com web: www.KUHNEZUG.com						
Für diese Unterlage behalten wir uns alle Rechte vor, auch für den Fall der Patenterteilung oder Gebrauchsmuster-eintragung. Sie darf ohne unsere vorherige schriftliche Zustimmung weder vervielfältigt noch sonstwie benutzt, noch Dritten zugänglich gemacht werden.						
This document is our property for which we reserve all rights, including those relating to patents or registered designs. It must not be reproduced or used otherwise or made available to any third party without our prior permission in writing.						



Id. Nr. Stck. Bezeichnung
Id. No. Pcs.

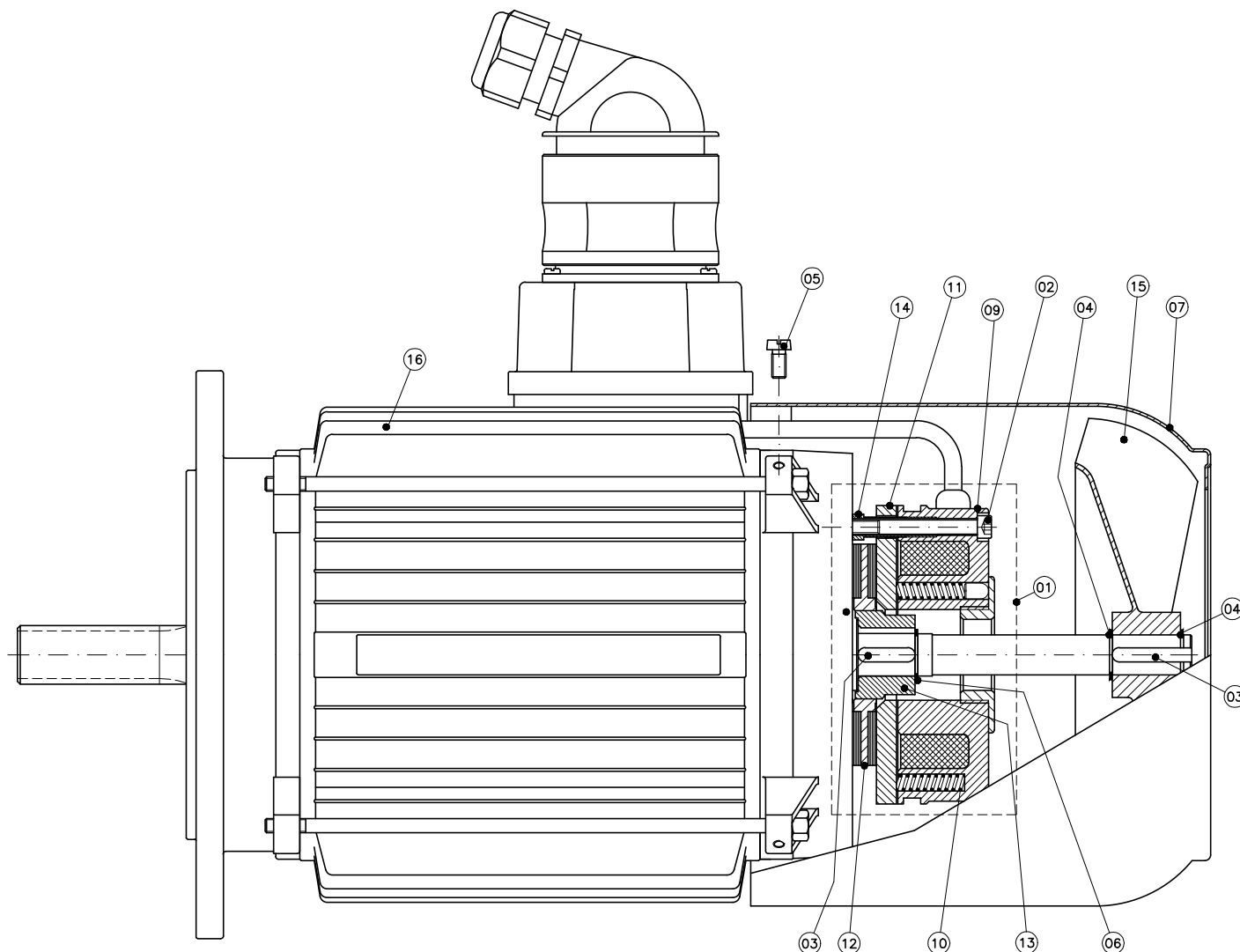
Specification

00001005	2	Sicherungsring	Circlip	40092853/	2	Gehäuse	/	Housing
00006031	16	Mutter	Nut	7-411.616				
00008000	12	Schraube	Screw	40800008	2	Distanzblech 1mm	/	Distance plate 1mm
00080002	1	Schraube	Screw	40800104	2	Distanzblech 2mm	/	Distance plate 2mm
00203001	4	Schraube	Screw	40815038	2	Verbindungsblech	/	Connecting plate
00811003	16	Schraube	Screw	40816002	1	Radwelle	/	Shaft
00813003	16	Schraube	Screw	40816040	2	Endscheibe	/	End plate
00817003	2	Dichtscheibe	Gasket washer	40818108	2	Lager	/	Bearing
00819003	2	Dichtscheibe	Gasket washer	40820013	2	Distanzring	/	Distance ring
00821007	4	Stützscheibe	Supporting ring	40823063	1	Pufferblech	/	Buffer holder
00835001	2	Setzmutter	Rivet nut	40824119	1	Puffer	/	Buffer
00837001	2	Schraube	Screw	40826006	2	Distanzbuchse	/	Distance sleeve
08988005	2	Passscheibe	Shim ring	40831005	1	Lauftrad	/	Running wheel

KUHNEZUG
german cranes

RC 2500 mitlaufend
RC 2500 idling

Werkstoff/Material	Maßstab/Scale	Datum/Date	Name	Kunde/Customer	Zeichnungs - (Ident) Nr./ Drawing - (Ident) no.:
Id. Nr.: 45950001	2-161.001	Bearb. 10.05.2017	We.		
Ersatz für:	Index: [0]01	Geänd.		Komm.-Nr./Comm.-no.	
		Geänd.			
Für diese Unterlage behalten wir uns alle Rechte vor, auch für den Fall der Patenterteilung oder Gebrauchsmustereintragung. Sie darf ohne unsere vorherige schriftliche Zustimmung weder vervielfältigt noch sonstwie benutzt, noch Dritten zugänglich gemacht werden.					z1705014
This document is our property for which we reserve all rights, including those relating to patents or registered designs. It must not be reproduced or used otherwise or made available to any third party without our prior permission in writing.					
tel: +49 (0) 40 608 20 2-0 fax: +49 (0) 40 608 20 277 e-mail: info@KUHNEZUG.com web: www.KUHNEZUG.com					



Pos.	Id. Nr. Id. no.	Stück Pieces	Bezeichnung	Specification
01	00240033/ 7-531.897	1	Bremse, komplett, 10-6,4 Nm	/ Brake, complete, 10-6,4 Nm
02	00448008	3	Schraube	/ Screw
03	00694802	2	Paßfeder	/ Key
04	00694908	2	Sicherungsring	/ Circlip
05	00695314	4	Schraube	/ Screw
06	00745906	1	Sicherungsring	/ Circlip
07	00749608	1	Lüfterhaube	/ Fan cover
08	30408005	1	Bremse, komplett	/ Brake, complete
09	30441006	1	Magnetkörper	/ Magnetic body
10	30442001	7	Druckfeder	/ Pressure spring
11	30443006	1	Ankerscheibe	/ Anchor plate
12	30444001	1	Rotor mit Reibbelag	/ Brake rotor
13	30445006	1	Bremsnabe	/ Brake hub
14	30447006	1	Konterschraube	/ Counder screw
15	30790151	1	Lüfter	/ Fan
16	30792106/ 7-152.902	1	Fahrmotor, komplett, ohne Bremse	/ Travel motor, complete, without brake

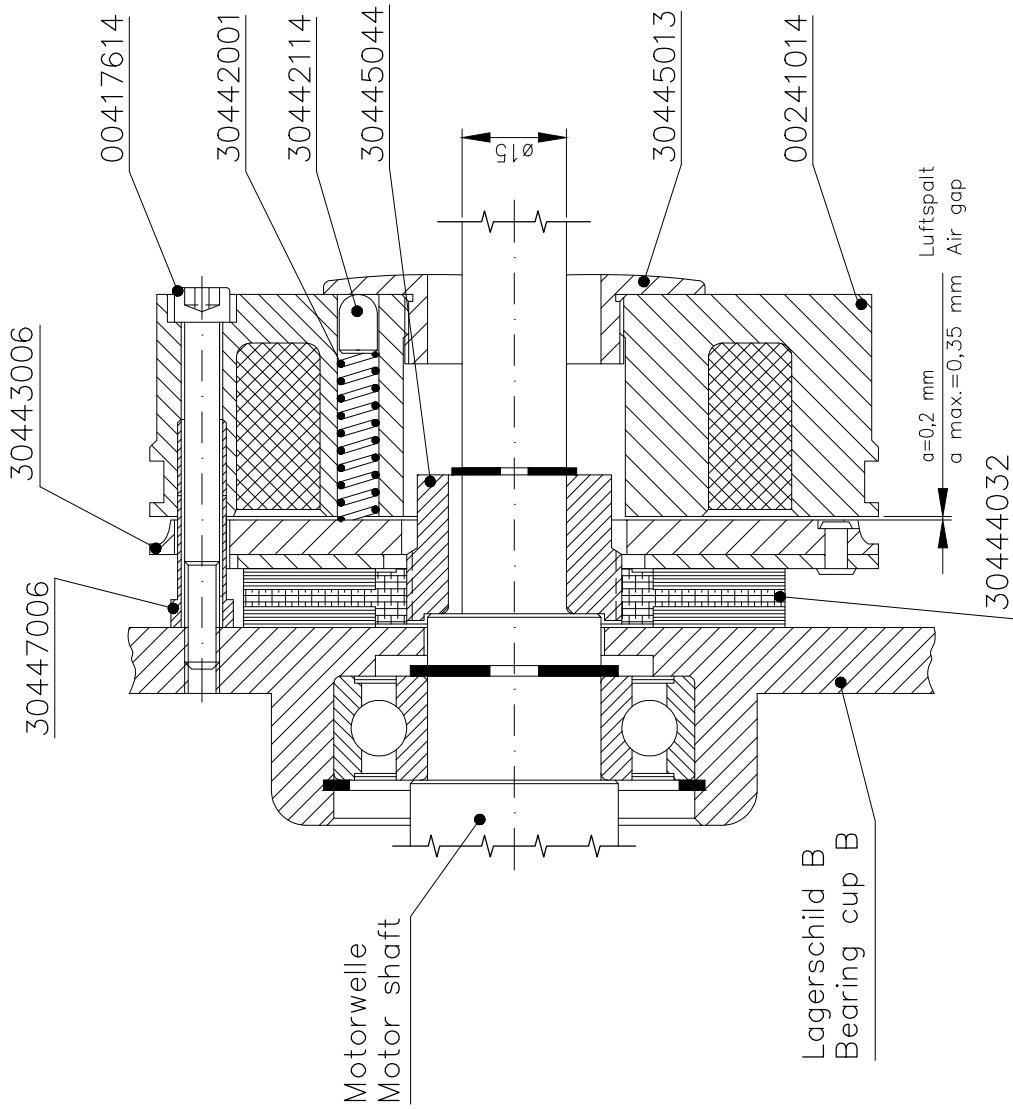
KUHNEZUG
german cranes

Motor MB90L-4-A mit Bremse F10 (24V)
Motor MB90L-4-A with Brake F10 (24V)

Werkstoff/Material	Maßstab/Scale	Datum/Date	Name	Kunde/Customer	Zeichnungs - (Ident) Nr./ Drawing - (Ident) no.:
Bearb.	09.05.2017	We.			
Id. Nr.:					
Ersatz für:	Index: 0101			Komm.-Nr./Comm.-no.	
tel: +49 (0) 40 608 20 2-0					
fax: +49 (0) 40 608 20 277					
e-mail: info @ KUHNEZUG.com					
web: www.KUHNEZUG.com					

z1705011

Für diese Unterlage behalten wir uns
alle Rechte vor, auch für den Fall der
Patenterteilung oder Gebrauchsmuster-
eintragung. Sie darf ohne unsere vor-
herige schriftliche Zustimmung weder
vervielfältigt noch sonstwie benutzt, noch
Dritten zugänglich gemacht werden.
This document is our property for which
we reserve all rights, including those
relating to patents or registered designs.
It must not be reproduced or used oth-
erwise or made available to any third
party without our prior permission in
writing.



Id. Nr. Id. no.		Stück Piece	Bezeichnung	Specification
00417614	3		Schraube	/ Screw
00241014	1		Bremse 10–6,4 Nm, komplett	/ Brake 10–6,4 Nm, complete
30441020	1		Magnetkörper, 24V	/ Magnetic body, 24V
30442001	5		Druckfeder	/ Pressure spring
30442114	5		Druckstück	/ Pressure piece
30443006	1		Ankerscheibe	/ Anchor plate
30444032	1		Rotor mit Reibbelag (Vielzahn)	/ Brake rotor (Multiple denticulation)
			Trägermaterial = Aluminium	/ Base material = Aluminium
30445013	1		Momentenreduktion	/ Torque reduction
30445044	1		Bremsnabe (Vielzahn)	/ Brake hub (Multiple denticulation)
30447006	3		Hohlschraube	/ Hollow screw



Bremse / Brake F10 (24V) 10 – 6,4 Nm

Werkstoff/Material		Maßstab/Scale	Ⓔ	Datum/Date	Name	Kunde/Customer	Zeichnungs – (Ident) Nr./ Drawing – (Ident) no.:	
Bearb.		04.12.2012	We.	09.05.2017	We.			
Id. Nr.:		00240033	7–531.897					
Ersatz für:			Index: 01012	Gesänd.		Komm.-Nr./Comm.-no.		
tel:		+49 (0) 40 608 20 2-0						
fax:		+49 (0) 40 608 20 277						
e-mail:		info @ KUHNEZUG.com						
web:		www.KUHNEZUG.com						

This document is our property for which we reserve all rights, including those relating to patents or registered designs. It must not be reproduced or used otherwise or made available to any third party without our prior permission in writing.



Hoang Mai

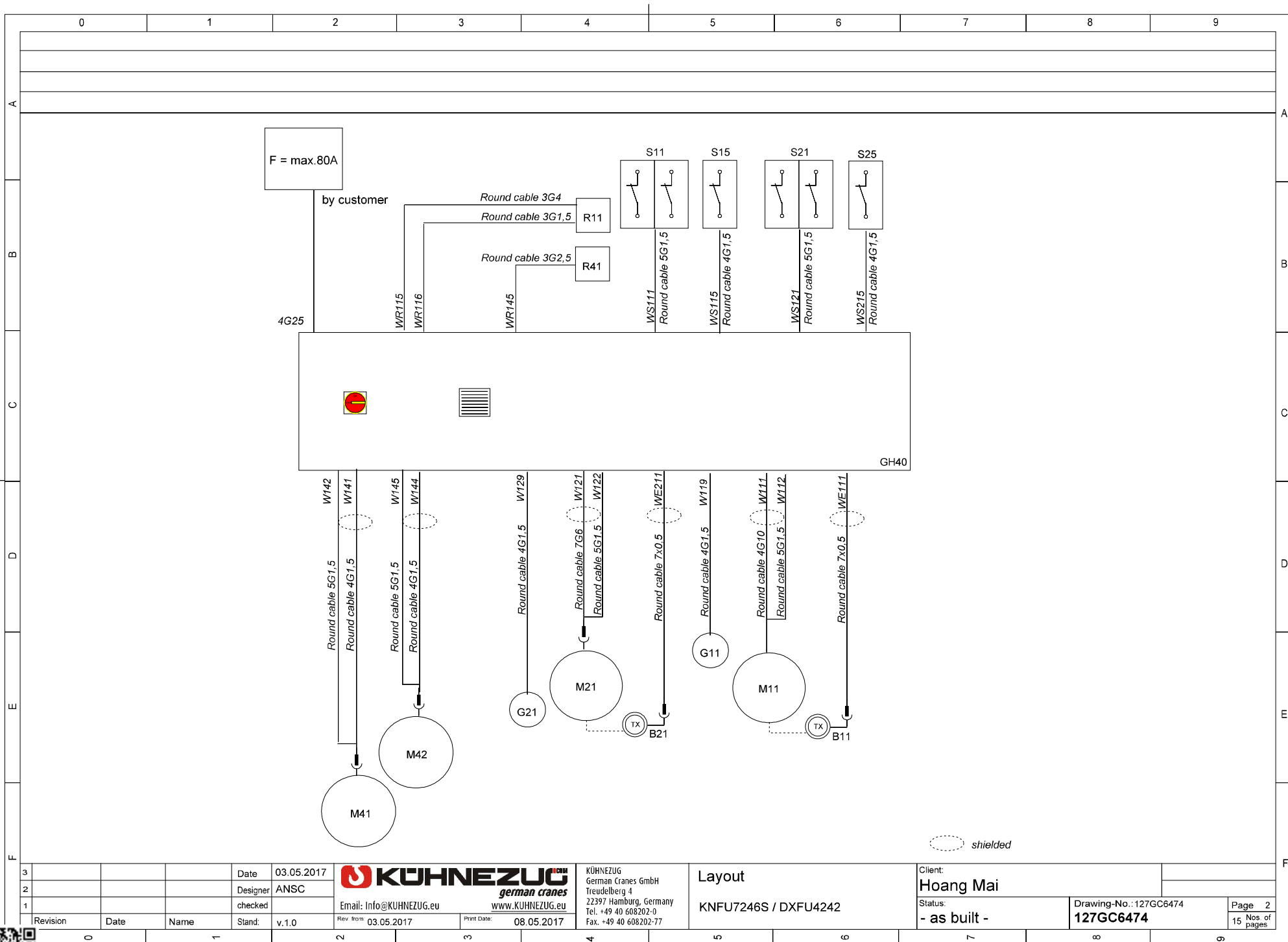
S/N.: 127GC6474

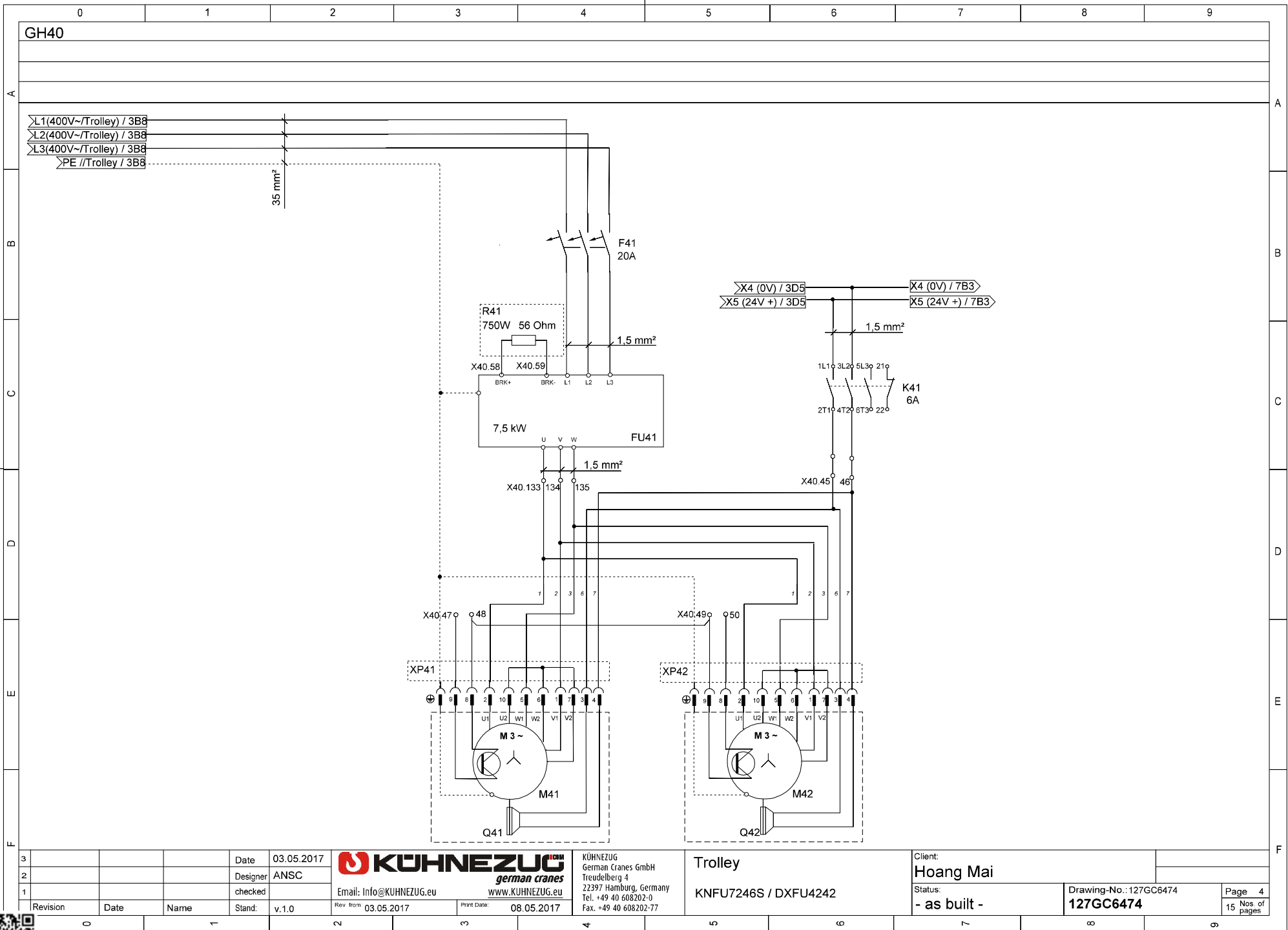
Directory

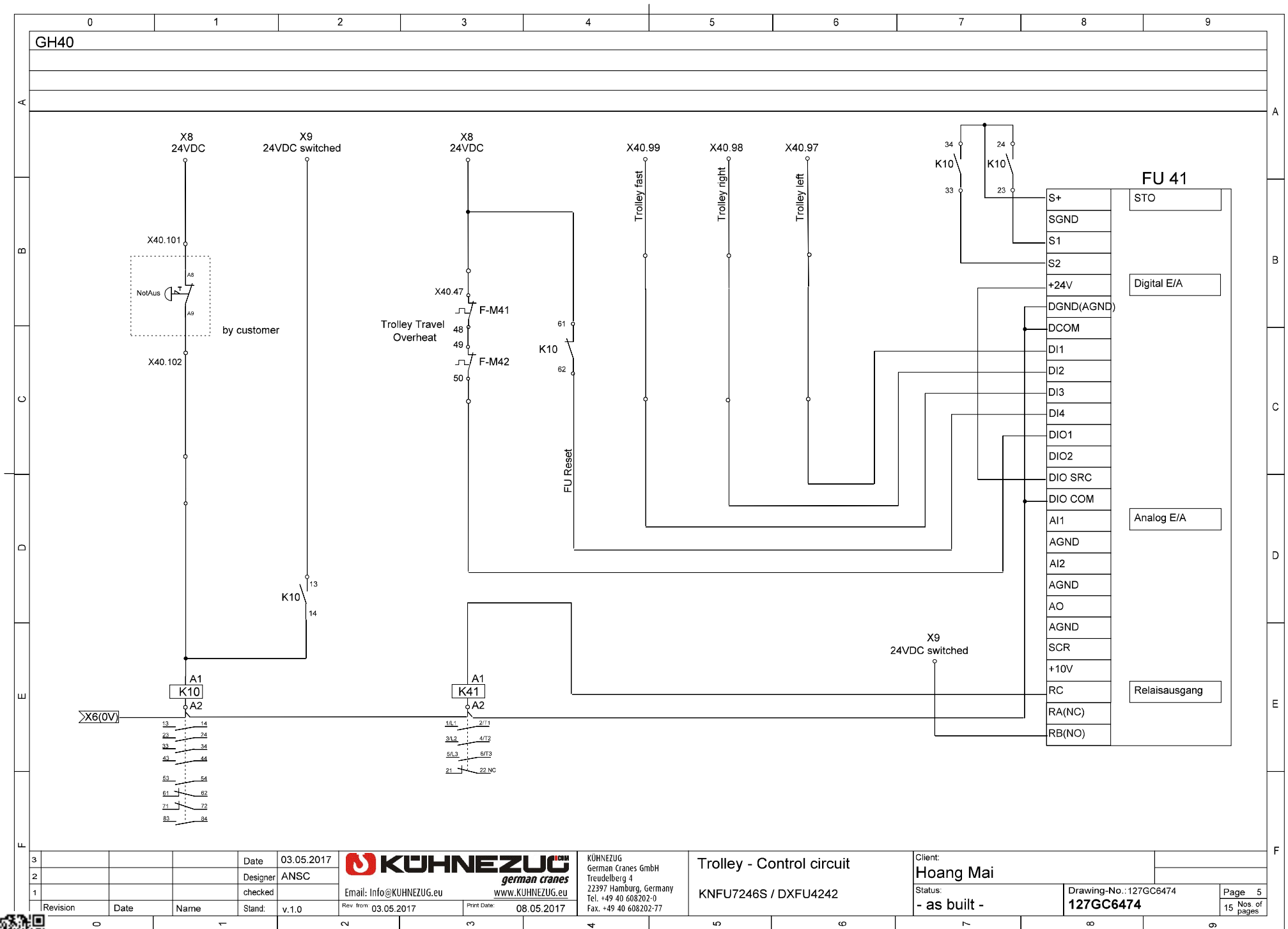
Page Contents

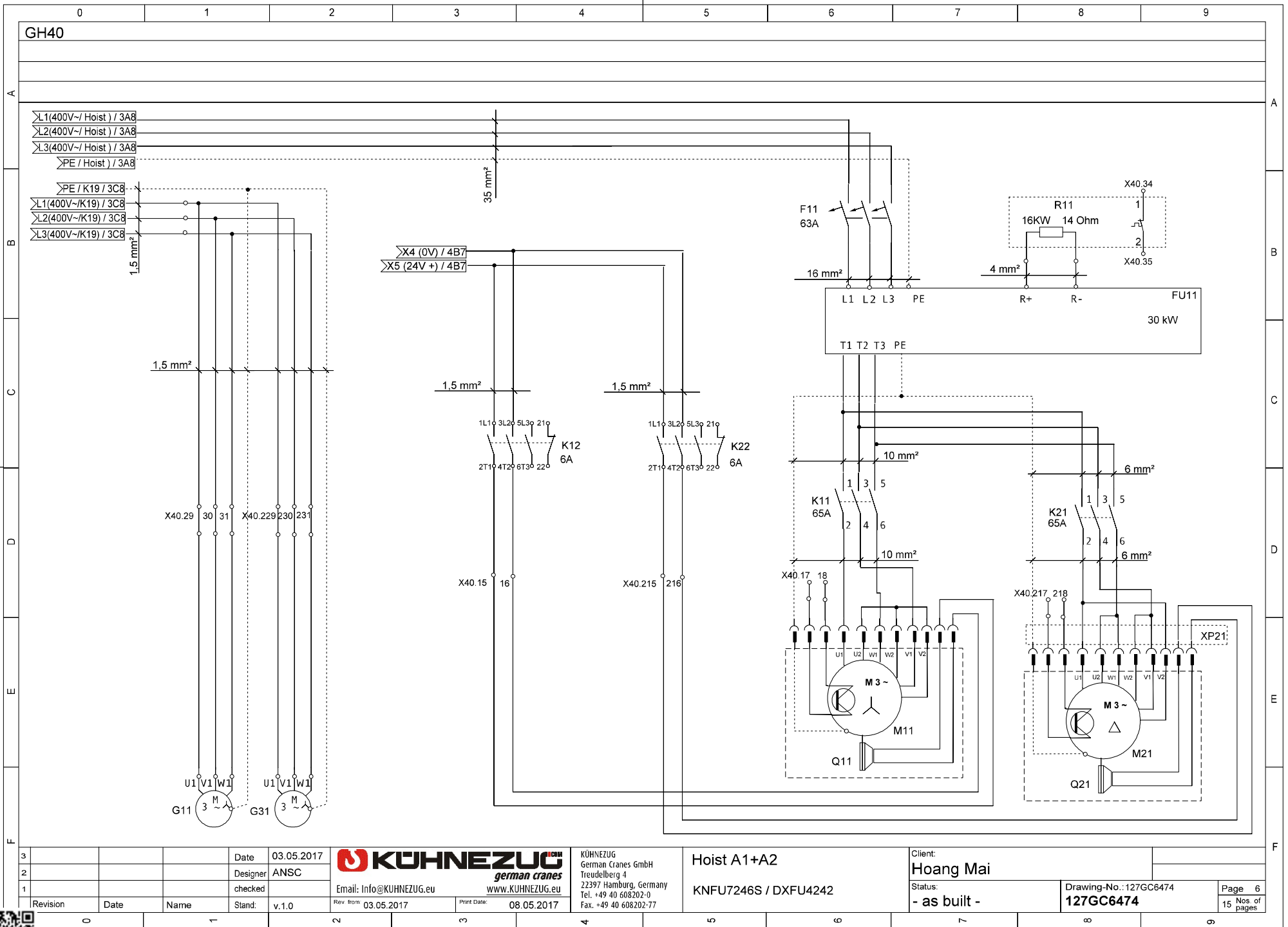
- 2 General Arrangement
- 3 Power supply
- 4 Trolley
- 5 Trolley - Control circuit 24 V DC
- 6 Hoist A1
- 7 Hoist A1 - Control Circuit 24 VDC
- 8 Encoder Hoist A1+A2
- 9 Control pendant
- 10 Plug - Connection XP
- 11 Plug - Connection XB11
- 12 Limit switch
- 13 Terminals GH40-1
- 14 Terminals GH40-2
- 15 List of components - List of fuses

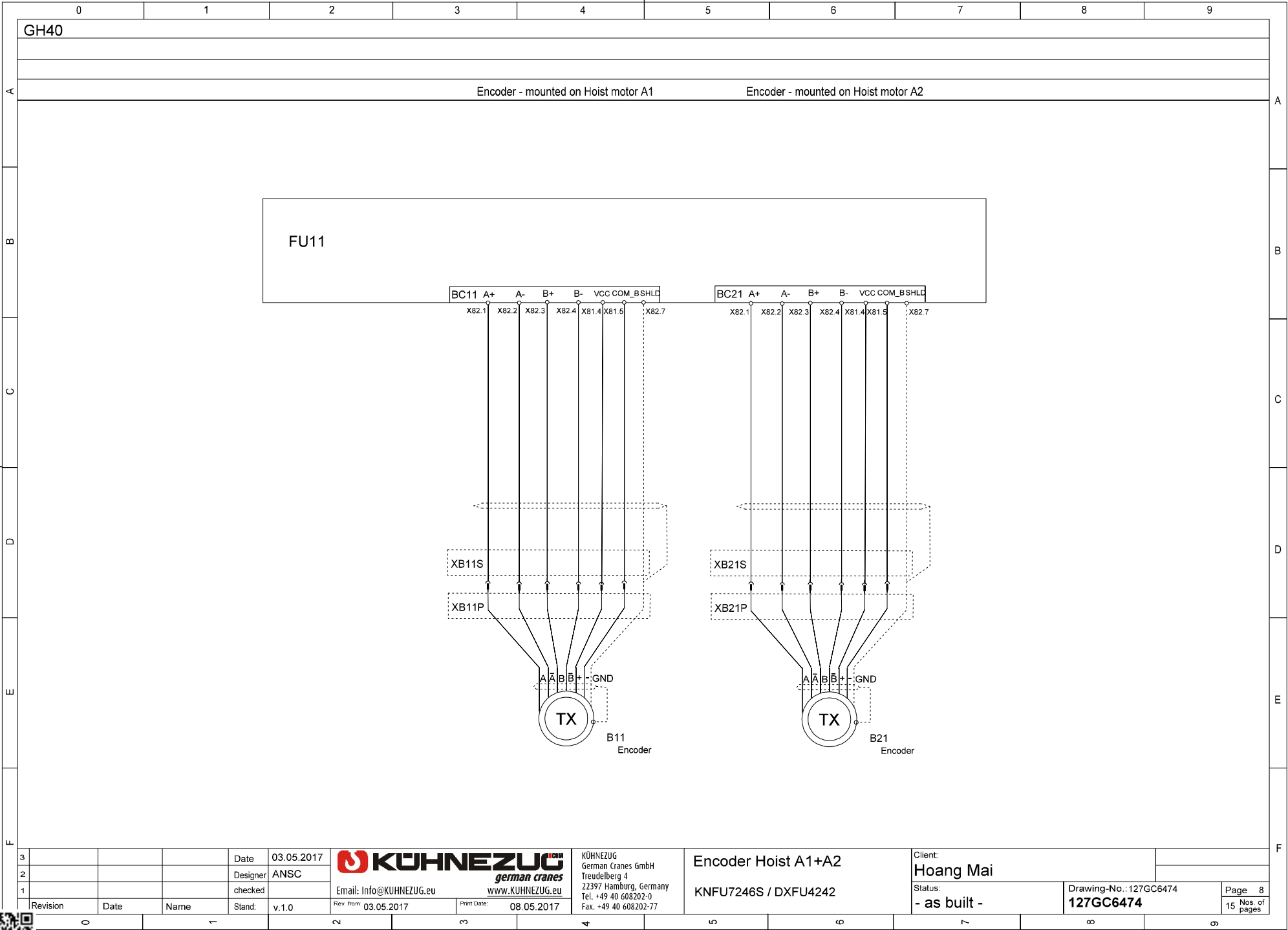
3			Date	03.05.2017	 KUHNEZUG <i>german cranes</i> Email: Info@KUHNEZUG.eu www.KUHNEZUG.eu	KÜHNEZUG German Cranes GmbH Treudelberg 4 22397 Hamburg, Germany Tel. +49 40 608202-0 Fax. +49 40 608202-77	Directory KNFU7246S / DXFU4242	Client: Hoang Mai		
2			Designer	ANSC				Status: - as built -	Drawing-No.: 127GC6474 127GC6474	Page 1
1			checked							15 Nos. of pages
Revision		Date	Name	Stand:	v.1.0	Rev. from: 03.05.2017	Print Date: 08.05.2017			



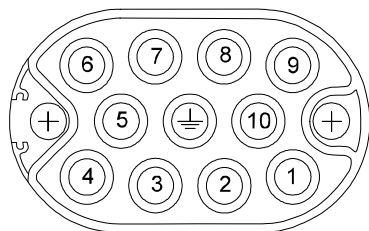








XPxx - Socket for crane & trolley drive motors

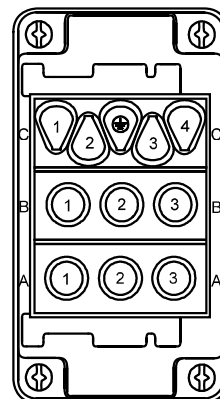


XP41,XP42

Cross/Long Travel (FU Y)

Motor-connection	Plug pin no.	Cable no.
V1	1	2
U1	2	1
Brake -	3	1
Brake +	4	2
W1	5	3
W2	6	3
V2	7	
Thermo	8	
Thermo	9	4
U2	10	

XP21 Socket Housing Plug for Hoist motor



Hoisting motor (FU)

Motor-connection	Plug pin no.	Cable no.
U1	A1	1
V1	A2	2
W1	A3	3
U2	B1	4
V2	B2	5
W2	B3	6
Brake -	C1	1
Brake +	C2	2
Thermo	C3	3
Thermo	C4	4

3
2
1

Revision

Date

Name

Stand:

v.1.0

Date 03.05.2017

Designer ANSC

checked



Email: Info@KUHNEZUG.eu

www.KUHNEZUG.eu

Rev. from: 03.05.2017

Print Date: 08.05.2017

KUHNEZUG
German Cranes GmbH
Treudenberg 4
22397 Hamburg, Germany
Tel. +49 40 608202-0
Fax. +49 40 608202-77

Plug - Connection XP

KNFU7246S / DXFU4242

Client:

Hoang Mai

Status:

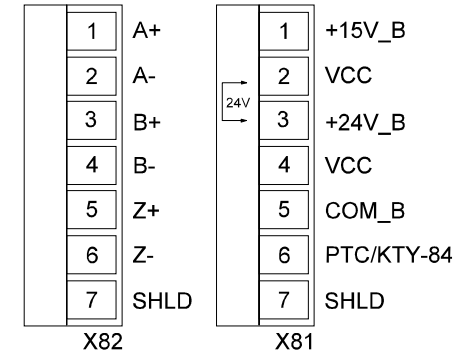
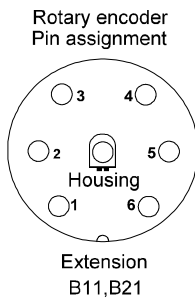
- as built -

Drawing-No.: 127GC6474

127GC6474

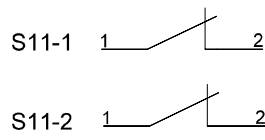
Page 10

15 Nos. of pages



Encoder	Pin	Color Cable	Pin	Color Cable Extension	Inverter	Inverter
	Plug Encoder		Socket/Plug Extension	to inverter	BC11	BC21
Chanel A	1	BN (Brown/Braun)	1	GY (Grey/Grau)	X82.1 Chanel B+	X82.1 Chanel B+
Chanel A	2	GN (Green/Grün)	2	PK (Pink/Pink)	X82.2 Chanel B-	X82.2 Chanel B-
Chanel B	3	GY (Grey/Grau)	3	BN (Brown/Braun)	X82.3 Chanel A+	X82.3 Chanel A+
Chanel B	4	PK (Pink/Pink)	4	GN (Green/Grün)	X82.4 Chanel A-	X82.4 Chanel A-
10 ... 30 VDC =	5	BN (Brown/Braun) (0,5 qmm)	5	YE (Yellow/Gelb))	X81.4 24V DC	X81.4 24V DC
GND	6	WH (White/Weiß) (0,5 qmm)	6	BU (Blue/Blau)	X81.5 GND	X81.5 GND
Cable shielding	Shielding	Housing	Housing	Shielding	X82.7 Cable shielding	X82.7 Cable shielding

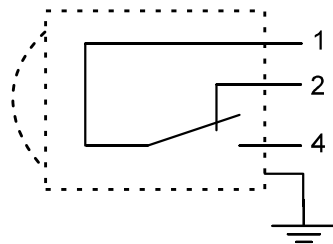
3			Date	03.05.2017	 KUHNEZUG German Cranes GmbH Treudenberg 4 22397 Hamburg, Germany Tel. +49 40 608202-0 Fax. +49 40 608202-77	Plug - Connection XB11 KNFU7246S / DXFU4242	Client:		Hoang Mai		
2			Designer	ANSC			Status:	- as built -		Drawing-No.: 127GC6474	Page 11
1			checked				Email: Info@KUHNEZUG.eu			15	Nos. of pages
	Revision	Date	Name	Stand:	v.1.0	Rev. from	03.05.2017	Print Date:	08.05.2017		



Limit switch

Contact	Wire No.
S11-1:1	1
S11-1:2	2
S11-2:1	3
S11-2:2	4

S11



- 1 Schwarz/Black (Gemeinsam/common)
2 Braun/Brown (NC)
4 Grau/Grey (NO)

S15

3			Date	03.05.2017	 KUHNEZUG <i>german cranes</i> Email: Info@KUHNEZUG.eu www.KUHNEZUG.eu	KÜHNEZUG German Cranes GmbH Treudelberg 4 22397 Hamburg, Germany Tel. +49 40 608202-0 Fax. +49 40 608202-77	Limit switch KNFU7246S / DXFU4242	Client: Hoang Mai		
2		Designer	ANSC	Status: - as built -				Drawing-No.: 127GC6474 127GC6474	Page 12	
1		checked							15 Nos. of pages	
Revision		Date	Name	Stand:	v.1.0	Rev from: 03.05.2017	Print Date: 08.05.2017			



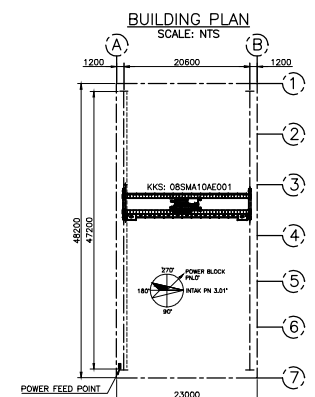
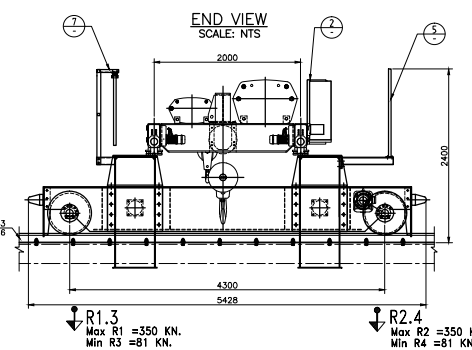
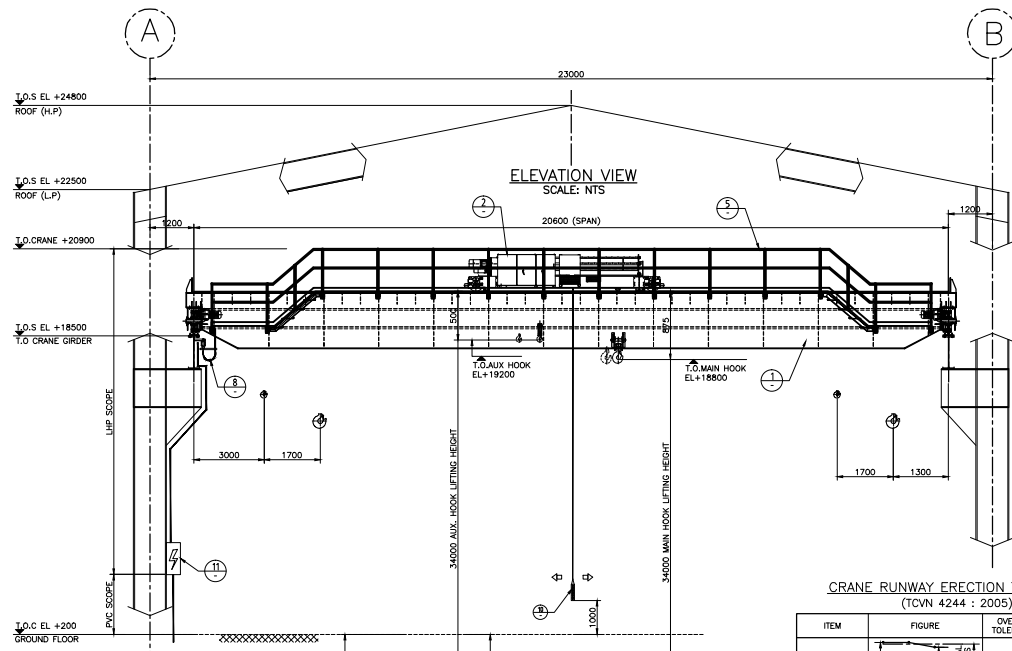
	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
A											A
B	GH40										B
C	X40 X8/+24V ☐ 47 ☐ Thermo Trolley A free ☐ 48 ☐ Thermo Trolley A free ☐ 49 ☐ Thermo Trolley A FU41-DI5 ☐ 50 ☐ Thermo Trolley A ☐ PE ☐ FU41-BRK+ ☐ 58 ☐ Brake-Resistor Trolley A FU41-BRK- ☐ 59 ☐ Brake-Resistor Trolley A ☐ PE ☐ X8/ +24VDC ☐ 90 ☐ X8/ +24VDC X6/ 0VDC ☐ 91 ☐ X6/ 0VDC X9 / 24VDC switched ☐ 92 ☐ X9 / 24VDC switched K23-21 ☐ 93 ☐ Hoist up K23-41 ☐ 94 ☐ Hoist down FU11-DI3 ☐ 95 ☐ Hoist fast FU41-DI1 ☐ 97 ☐ Trolley left FU41-DI2 ☐ 98 ☐ Trolley right FU41-DI3 ☐ 99 ☐ Trolley fast X8 / 24VDC ☐ 101 ☐ Emergency stop K10-A1 ☐ 102 ☐ Emergency stop FU11-DI4 ☐ 108 ☐ Selection A2 ☐ PE ☐ FU41-U ☐ 133 ☐ ☐ Trolley Motor M41+M42 FU41-V ☐ 134 ☐ ☐ Trolley Motor M41+M42 FU41-W ☐ 135 ☐ ☐ Trolley Motor M41+M42 ☐ PE ☐ W142 W145 WR145 Control (by customer) W141 W144										C
D											D
E											E
F											F
3				Date	03.05.2017	 KUHNEZUG German Cranes GmbH Treudenberg 4 22397 Hamburg, Germany Tel. +49 40 608202-0 Fax. +49 40 608202-77		Terminals GH40-2		Client: Hoang Mai	
2				Designer	ANSC	Email: Info@KUHNEZUG.eu www.KUHNEZUG.eu		KNFU7246S / DXFU4242		Status: - as built -	
1				checked		Rev from: 03.05.2017 Print Date: 08.05.2017		Drawing-No.: 127GC6474		Page 14 15 Nos. of pages	
	Revision	Date	Name	Stand:	v.1.0						



Further Operation Manuals

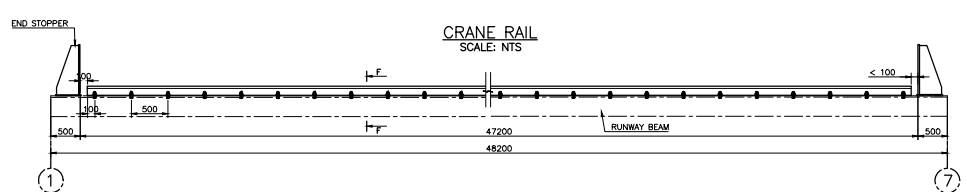
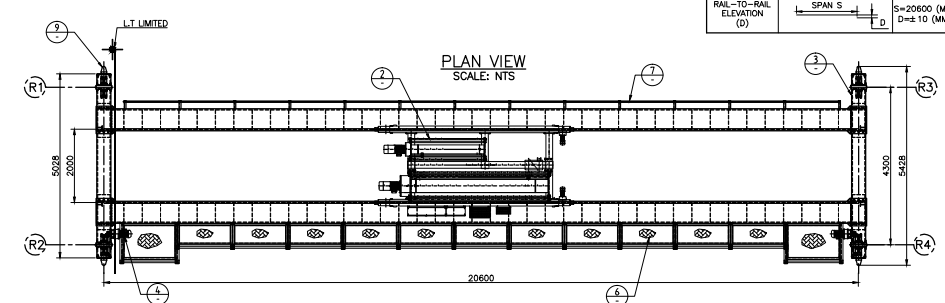
6



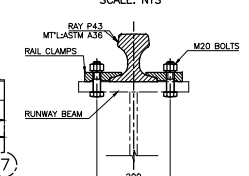


CRANE RUNWAY ERECTION TOLERANCE
(TCVN 4244 : 2005)

ITEM	FIGURE	OVERALL TOLERANCE	MAXIMUM RATE OF CHANGE
CRANE SPAN (S)		S=20600 (MM) A=B (MM)	2 IN 2000
STRAIGHTNESS (B)		B=10 (MM)	2 IN 2000
ELEVATION (C)		C=10 (MM)	2 IN 2000
RAIL-TD-RAIL ELEVATION (D)		S=20600 (MM) D=±10 (MM)	2 IN 2000



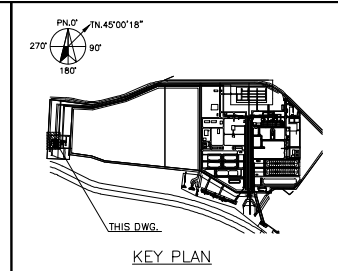
SECTION F-F
SCALE: NTS



SPECIFICATIONS

1	Type	Duplex girder overhead crane
2	Hoist model	KNFU 7246 with aux. hoist DXFU 4242
3	Capacity	Ton 50/10
4	Lifting height	m 34
5	Hoisting speed	Main hook m/min 2.5/0.8 Aux. hook m/min 10/1
6	Traversing speed	m/min 20
7	Hoisting motor	Main hook kw x P 38 Aux. hook kw x P 15
8	Traversing Motor (No.xPower)	kW 4.2
9	Current Supply	3P - 400V AC/50Hz
10	Contr. Vol.	48VDC
11	IP Rating	IP54
12	Electrical Duty	40% ED
13	Location	Indoor
14	Operation	Pendant
15	Hoist weight	kg 7000
16	Total weight	kg 30000

11	E.BOX	01	-	-
10	CONTROL PEDAN	01	-	-
9	RUBBER BUFFERS	01	-	-
8	CRANE POWER SUPPLY SYSTEM	01	-	-
7	FESTOON SYSTEM	02	-	-
6	WALKWAY	01	-	-
5	HANDRAIL	01	-	-
4	TRAVELLING MOTOR	04	-	-
3	END CARRIAGE	02	-	-
2	TROLLEY 50/10T	01	-	-
1	MAIN GIRDER	02	-	-
ITEM	DESCRIPTION	QTY.	TOTAL WEIGHT	REFER



- NOTES:**
- FOR THE EXISTING STRUCTURES, PLEASE REFER TO DRAWING TB2-SDC-00100-P-M8-DGA-0008
 - ALL STRUCTURAL STEEL SHALL BE ASTM A36, JIS G3101 SS400 OR EQUIVALENT
 - ALL STEEL MEMBERS TO BE PAINTED, SURFACE TREATMENT SHALL BE IN ACCORDANCE WITH CONTRACT DATA SHEET SPECIFICATIONS TB2-LHP-00SMG-M-M17-SPC-0001
 - ALL WELDING SHALL BE PERFORMED PER AWS D 1.1 ALL FILLET WELDS FOLLOW TO AWS D1.1 TABLE 5.8
 - ALL DIMENSIONS & LEVERS ARE IN MM

DRAWING SUBMISSION STATUS: AP

REV	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHECK	APPROVED
B	24 OCT.2016	FOR REFERENCE			
A	24 AUG.2016	FOR APPROVAL			

OWNER	VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PVN)	OWNER'S CONSULTANT	FICHTNER	PV POWER PCC
EPC CONTRACTOR	RETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)	EPC CONTRACTOR'S CONSULTANT	WORLEYPARSONS	

THAI BINH 2 THERMAL POWER PLANT
2 x 600MW

CONTRACT NO. 56/HBK/PVC/LISEMCO2-HA-PECOM/CH

WORK TITLE: CRANES & HOISTS LOT 2

DRAWING TITLE: 5.2.2 EOT CRANE FOR CW PUMP HOUSE LAYOUT DRAWINGS

SUB-CONTRACTOR	FUNCTION	NAME	SIGN	DATE
DRN	TRAN THO TUNG			24 OCT.2016
CHD	NGUYEN HUY BANG			24 OCT.2016
APPD	PHAM QUANG NGHIA			24 OCT.2016

DRAWING NO. TB2-LHP-00SMG-M-M17-DGA-1001
SCALE: NTS
REV: B